

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TC CAPITAL VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023
(Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023)



Hà Nội, tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	3
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8- 12

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý IV Năm 2023

MẪU SỐ B01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15,198,136,595	16,875,183,772
I. Tài sản tài chính	110		15,028,537,181	16,716,220,735
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		15,028,537,181	16,716,220,735
1.1. Tiền	111.1	5	15,028,537,181	4,706,357,721
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	12,009,863,014
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		169,599,414	158,963,037
1. Tạm ứng	131		-	-
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		833,331	-
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		32,658,323	23,655,277
4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	6	135,307,760	135,307,760
5. Tài sản ngắn hạn khác	137		800,000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10,389,946	3,861,125
I. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	96,363,636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		-	(96,363,636)
II. Tài sản dài hạn khác	250		10,389,946	3,861,125
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		-	-
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		10,389,946	3,861,125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15,208,526,541	16,879,044,897
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		46,091,941	44,786,463
I. Nợ ngắn hạn	310		46,091,941	44,786,463
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	6	6,091,941	4,786,463
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		40,000,000	40,000,000
3. Các khoản phải trả, phải nộp khác	329		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15,162,434,600	16,834,258,434
I. Vốn chủ sở hữu	410	7	15,162,434,600	16,834,258,434
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20,879,456,000	20,879,456,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		20,823,458,000	20,823,458,000
1.2. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		55,998,000	55,998,000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(5,717,021,400)	(4,045,197,566)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(5,717,021,400)	(4,045,197,566)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		15,208,526,541	16,879,044,897

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	390.34	403.54

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Lương Thị Hải Lý

Lương Thị Hải Lý

Đặng Quốc Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Quý IV Năm 2023

MẪU SỐ B02 - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này Q4/2023	Kỳ so sánh Q4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q4/2022
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	8		-	-		
Cộng doanh thu hoạt động	20		-	-		
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
2.1. Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	29		-	-		
Cộng chi phí hoạt động	40		-	-		
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG		8				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		263,559	117,137	402,473	322,751
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		2,939,283	61,640,868	126,195,610	62,104,642
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		3,202,842	61,758,005	126,598,083	62,427,393
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH						
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-		-
Cộng chi phí tài chính	60		-	-		-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-		-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	9	470,948,935	467,599,048	1,799,621,917	1,762,518,726
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		(467,746,093)	(405,841,043)	(1,673,023,834)	(1,700,091,333)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ						
8.1. Thu nhập khác	71		-	-	1,200,000	-
8.2. Chi phí khác	72		-	-	-	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		-	-	1,200,000	-
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		(467,746,093)	(405,841,043)	(1,671,823,834)	(1,700,091,333)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(467,746,093)	(405,841,043)	(1,671,823,834)	(1,700,091,333)
X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP	100		-	-		-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-	-	-
	1					
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		(467,746,093)	(405,841,043)	(1,671,823,834)	(1,700,091,333)

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2024

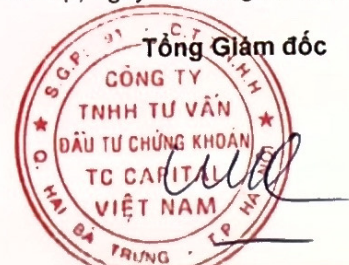
Người lập

Lương Thị Hải Lý

Phụ trách kế toán

Lương Thị Hải Lý

Tổng Giám đốc



Đặng Quốc Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV Năm 2023

MẪU SỐ B03b - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
		Q4/2023	Q4/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	(467,746,093)	(405,841,043)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		
- Khấu hao TSCĐ	03	-	4,852,715
- Lãi / (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	05	(263,559)	(117,137)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(2,939,283)	(61,640,868)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(470,948,935)	(462,746,333)
- Tăng/giảm các khoản phải thu khác	39	-	-
- Tăng/giảm các tài sản khác	40	(528,455)	(1,581,833)
- Tăng/giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	33,326,000	40,000,000
- Tăng/giảm chi phí trả trước	42	(2,849,945)	2,473,717
- Thuế TNDN đã nộp	43	-	-
- Tăng/giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(1,490,766)	(1,444,444)
- Tăng/giảm phải trả, phải nộp khác	50	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(442,492,101)	(423,298,893)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62	-	-
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	2,939,283	61,640,868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	2,939,283	61,640,868
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	(439,552,818)	(361,658,025)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	15,467,826,440	17,077,761,623
Tiền	101.1	15,467,826,440	17,077,761,623
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	102	-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	15,028,537,181	16,716,220,735
Tiền	103.1	15,028,273,622	16,716,103,598
Các khoản tương đương tiền	103.2	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	104	263,559	117,137

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Người lập

Lương Thị Hải Lý

Phụ trách kế toán

Lương Thị Hải Lý

Tổng Giám đốc



Đặng Quốc Hùng

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TC CAPITAL VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Quý IV Năm 2023

MẪU SỐ B04 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Q4/2022	Q4/2023	Tăng	Giảm	Tại 31/12/2022	Tại 31/12/2023
				Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20,879,456,000	20,879,456,000	-	-	20,879,456,000	20,879,456,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	20,823,458,000	20,823,458,000	-	-	20,823,458,000	20,823,458,000
1.2. Vốn khác của chủ sở hữu	55,998,000	55,998,000	-	-	55,998,000	55,998,000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(3,639,356,523)	(5,249,275,307)	-	405,841,043	(4,045,197,566)	(5,717,021,400)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(3,639,356,523)	(5,249,275,307)	-	405,841,043	(4,045,197,566)	(5,717,021,400)
Tổng cộng	17,240,099,477	15,630,180,693	-	405,841,043	16,834,258,434	15,162,434,600

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Người lập

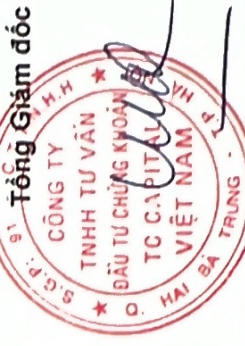


Lương Thị Hải Lý

Phụ trách kế toán



Lương Thị Hải Lý



Đặng Quốc Hùng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG***Hình thức sở hữu vốn***

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Chứng khoán TC Capital Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91-UBCK-GP ngày 21/04/2008, Giấy phép số 314/UBCK-GP ngày 22/03/2010 và Giấy phép điều chỉnh số 66/GPDC – UBCK ngày 24/08/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.823.458.000 VND. Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Lô 6, tầng 1, Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số lao động của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 7 người (Số lao động tại ngày 30/09/2023 là 7 người).

Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền mặt	4,571,309	2,202,388,846
Tiền gửi ngân hàng	15,023,965,872	2,503,968,875
Tiền gửi có kỳ hạn	-	12,009,863,014
Cộng	<u>15,028,537,181</u>	<u>16,716,220,735</u>

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/10/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(135,307,760)	-	-	(135,307,760)
Thuế thu nhập cá nhân	7,582,707	6,091,941	7,582,707	6,091,941
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	(127,725,053)	6,091,941	7,582,707	(129,215,819)
<i>Trong đó:</i>				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7,582,707			6,091,941
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	135,307,760			135,307,760

7. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/10/2023	20,823,458,000	55,998,000	(5,249,275,307)	15,630,180,693
Lỗ trong kỳ	-	-	(467,746,093)	(467,746,093)
Tại ngày 31/12/2023	20,823,458,000	55,998,000	(5,717,021,400)	15,162,434,600

b) Chi tiết vốn

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/10/2023	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Đặng Quốc Hùng	4,164,691,600	20.00%	4,164,691,600	20.00%
Ông Nguyễn Hoàng Thái	7,244,826,400	34.79%	7,244,826,400	34.79%
Công ty TC Capital Advisory Limited	9,413,940,000	45.21%	9,413,940,000	45.21%
Cộng	20,823,458,000	100%	20,823,458,000	100%

8. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này Q4/2023	Kỳ so sánh Q4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q4/2022
	VND	VND	VND	VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	263,559	117,137	402,473	322,751
Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng	2,939,283	61,640,868	126,195,610	62,104,642
Cộng	3,202,842	61,758,005	126,598,083	62,427,393

9. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi phí quản lý

	Kỳ này Q4/2023	Kỳ so sánh Q4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q4/2022
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	428,004,441	400,336,163	1,696,465,874	1,585,676,874
Nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	2,434,600	2,473,717	10,022,393	10,614,854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	4,852,715	-	19,410,881
Thuế, phí và lệ phí	-	-	3,000,000	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40,000,000	57,372,727	83,605,909	110,759,091
Chi phí khác	509,894	2,563,726	6,527,741	33,057,026
Cộng	470,948,935	467,599,048	1,799,621,917	1,762,518,726

10. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch và số dư với bên liên quan sau:

Giao dịch với bên liên quan

	Kỳ này Q4/2023	Kỳ so sánh Q4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Q4/2022
	VND	VND	VND	VND
Thu nhập ông Đặng Quốc Hùng- Tổng giám đốc	108,000,000	89,400,000	388,600,000	357,600,000

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Lương Thị Hải Lý

Lương Thị Hải Lý

Đặng Quốc Hùng